



ĐẠI HỌC MỸ – CHI PHÍ, BẰNG CẤP VÀ NHỮNG KHIẾM KHUYẾT

• PGS. TS. LÊ ĐÌNH CỤC

Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam

1. Chi phí và học phí của giáo dục đại học Mỹ

Việc đầu tư cho giáo dục ở bất cứ nước nào cũng hết sức quan trọng, để tránh ngu dốt và tội phạm, giữ cho xã hội yên bình và phát triển lành mạnh. Thực tế cho thấy, học phí bậc đại học ở Mỹ hiện nay rất lớn, 120.000 đôla cho bốn năm học đại học, khiến nhiều người giạt mình. Như vậy, mỗi năm học sinh viên phải bỏ ra 30.000 đôla (và năm học không phải là 12 tháng mà chỉ là 9 tháng).

Con số 120.000 đôla là chi phí cho 1 sinh viên nhưng nhờ có sự linh hoạt của hệ thống đại học Mỹ mà trên thực tế cha mẹ các em không phải đóng góp chừng ấy. Nhờ có sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế cho những ngành, nghề mà họ cần đào tạo nhân lực, quỹ từ thiện và học bổng, tiền vay ngân hàng lãi suất rất thấp dành cho sinh viên, hoặc vay của tổ chức nhà nước, công ty rồi sau khi tốt nghiệp trở lại làm việc cho cơ sở đó, nên sinh viên chỉ phải trả một nửa số nợ vay để học tập.

Đào tạo đại học ở Mỹ là một hệ thống mở. Học sinh tốt nghiệp hoặc chưa tốt nghiệp trung học có thể theo học Đại học cộng đồng (Community College) rồi mới vào đại học. Học sinh đã tốt nghiệp trung học cũng có thể đi làm hoặc liên tục (full time) hoặc làm việc theo giờ (part time) để tích lũy tiền lương nộp học phí khi vào đại học. Thực tế, trong hàng triệu sinh viên đại học Mỹ chỉ có 7,2% theo học toàn bộ thời gian (hệ 4 năm) phải trả học phí ở mức 20.000 đôla một năm (lấy mốc 1999 - 2000 làm ví dụ). Có hơn 71,7% tổng số sinh viên theo học ở các cơ sở giáo dục phải nộp 8.000 đôla. Trong đó chỉ có 50,9% là học toàn bộ thời gian 4 năm với học phí 4.000 đôla, 20,8% nộp từ 4.000 đôla đến 7.000 đôla và 6,1% phải nộp từ 8.000 đôla đến dưới 20.000 đôla.

Thực tế cho thấy, năm học 1996 - 1997 các trường đại học hệ 2 năm và 4 năm ở Mỹ chỉ

thu học phí trung bình dưới 3.000 đôla/năm. Cũng có một số ít sinh viên “con nhà giàu” ở các trường tư thục hàng đầu có thể đóng số học phí cao hơn.

Tỉ lệ trung bình là như trên nhưng trong thực tế các cơ sở đại học thu học phí không đồng đều. Có những trường đại học như University of Illinois, Urbana trong năm học 1995 - 1996 đã thu 3.500 đôla/sinh viên và Ohio State University thu 3.300 đôla/sinh viên. Và tổng số sinh viên của hai trường này lớn hơn nhiều trường đại học cộng lại.

Nhưng “tiền nào của nấy”, những trường đại học thu học phí cao là những cơ sở danh tiếng. Sinh viên theo học ở những cơ sở này, khi tốt nghiệp ra trường có cơ hội tìm được việc làm lớn hơn các cơ sở khác, có cơ hội cạnh tranh đáng kể hơn. Và mức lương cũng cao hơn. Sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Pennsylvania nhận lương cao hơn 57% so với mức lương trung bình của người tốt nghiệp trung học. Sinh viên tốt nghiệp đại học có lương cao hơn 20% so với mức lương của người có bằng trung cấp.

Các trường đại học danh tiếng có chất lượng đào tạo, nghiên cứu và giảng dạy cao, cơ sở vật chất đầy đủ. Thư viện lớn, phòng thí nghiệm tối tân, kí túc xá đầy đủ tiện nghi, có cơ sở hoạt động văn hoá. Nhà văn hoá sinh viên, rạp chiếu phim giá vé rẻ ưu tiên, di chuyển trong Campus bằng phương tiện cơ giới, sân vận động, bể bơi... nên học phí cao là đương nhiên. Học phí cao, trường chỉ cần tiếp nhận số sinh viên vừa đủ để bảo đảm chất lượng giảng dạy. Nộp đơn vào những trường đại học này phải là những học sinh giỏi, ưu tú ở trung học. Tỉ lệ xét đơn là 5 hoặc 10 tuyển lấy 1 người.

Ví dụ năm 1996, Đại học Havard tuyển 1.600 sinh viên mà có đến 18.184 hồ sơ xin tuyển. Các trường đại học có kế hoạch cụ thể và có kết quả hỗ trợ cho sinh viên (cho vay lãi thấp, thu nhập làm thêm, tiền hỗ trợ của cựu sinh

viên đã thành đạt ủng hộ nhà trường). Hơn 70% sinh viên Trường Đại học Cornell được hỗ trợ học phí. Năm học 1999 – 2000, nhà trường đã hỗ trợ 69 triệu đôla cho sinh viên.

Triết lí giáo dục Mỹ, trong đó có giáo dục đại học, là hoạt động vì trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng, mang lại lợi ích cho xã hội và đất nước không vì lợi nhuận, không thị trường hoá giáo dục. Nhưng để hoàn thành nhiệm vụ cao cả này lại phải chi phí rất cao mà bản thân các trường đại học Mỹ khó lòng kham nổi, nếu không có sự đóng góp tài chính của sinh viên.

2. Bằng cấp của giáo dục Mỹ

Ở Mỹ trường trung học (High School) bắt đầu từ lớp 7 đến lớp 12, trong đó sơ trung từ lớp 7 đến lớp 9 và cao trung từ lớp 9 đến lớp 12. Hết lớp 12 học sinh trung học có bằng tú tài. Sau khi học hết đại học (bất cứ hệ dài hay ngắn hạn) sinh viên có bằng (trên tú tài) BA: (Bachelor of Art), BS: (Bachelor of Science). Tốt nghiệp đại học (BA hoặc BS), sinh viên học lên 2 năm nữa sẽ được nhận bằng thạc sĩ (MA hoặc MS). Bằng này là điều kiện bắt buộc để sinh viên thi vào nghiên cứu sinh đào tạo tiến sĩ (Ph.D).

Như vậy, bằng MA là hết sức quan trọng cho những ai có thiên hướng học cao hơn qua con đường học tập, nghiên cứu. Nó chứng tỏ khả năng nghiên cứu độc lập của mình. Nó là văn bằng sau đại học và cũng chứng tỏ khả năng chuyên nghiệp cao nhất của sinh viên. Thực ra, đến với bằng MA, người nghiên cứu chưa cần phát minh gì cụ thể, mà chỉ cần học một chương trình trong thời gian một hoặc hai năm (tuỳ cơ sở đào tạo). Sau các chuyên đề sinh viên phải hoàn thành một luận văn – Thesis – mà nội dung phải thể hiện khả năng nghiên cứu độc lập và khả năng xử lí một vấn đề. Để thực hiện luận văn, có thể sinh viên phải hoạt động khoa học gắn với thực tế mà không nhất thiết phải lên lớp ở trường đại học. Thông thường sinh viên liên hệ để học với người hướng dẫn qua phương tiện điện tử và bán thời gian là chính.

Hàng năm có gần 400.000 sinh viên nhận được bằng thạc sĩ, gấp 10 lần bằng tiến sĩ và bằng 1/3 tổng số bằng BA – BS của các trường đại học Mỹ cấp. Đó là những sinh viên có khả năng chuyên sâu trong ngành khoa học hoặc trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn,

khoa học tự nhiên và kĩ thuật, trong quản lí xã hội và pháp luật, trong máy tính và y tế cộng đồng, trong quy hoạch và phát triển ... Đồng thời, nhờ sự đa dạng và phong phú của hệ thống đào tạo đại học mà có hàng nghìn sinh viên ở các nước ngoài theo học và nhận bằng MA của Mỹ. Mô hình đào tạo và hợp tác quốc tế này mở ra khả năng to lớn và mang lại lợi ích cho sự phát triển khoa học không chỉ của Mỹ mà còn nhiều nước. Bằng thạc sĩ Mỹ là minh chứng cho một nền giáo dục năng động, gắn khoa học với đời sống, phục vụ con người và xã hội. Nó là cơ sở quan trọng nhất để một số trong hàng chục nghìn thạc sĩ, hàng năm có thể thi tiếp vào nghiên cứu chuyên sâu để lấy bằng tiến sĩ.

Người nhận được học vị tiến sĩ ở Mỹ rất tự hào bởi chất lượng đào tạo của tám bằng này.

Có tám bằng tiến sĩ ở Mỹ, gần như bạn chắc chắn có việc làm, có thu nhập cao; rất nhiều người nước ngoài đã nhận được bằng tiến sĩ tại Mỹ. Năm 1997 có đến 27% là nghiên cứu sinh nước ngoài, trong đó có 41% là nữ, và có đến 8% là những tiến sĩ thuộc các sắc tộc thiểu số trên thế giới.

Để nhận được văn bằng tiến sĩ nghiên cứu sinh phải mất nhiều năm đèn sách. Dĩ nhiên không phải tất cả những người có bằng tiến sĩ đều được trọng dụng. Tỷ lệ thất nghiệp của các tiến sĩ nói chung là thấp, chỉ 1,4%. Trong số này các ngành khoa học xã hội và nhân văn cao hơn các ngành khác (32%). Cần phải nhớ rằng tỷ lệ thất nghiệp ở nước Mỹ là 5- 6%. Từ năm 2008 đến 2010, sau đợt suy thoái và khủng hoảng, có lúc tỷ lệ này xấp xỉ 10%. Thậm chí có những trường hợp đặc biệt, chẳng hạn như tiến sĩ Alan Hale, một trong hai nhà khoa học đã tìm ra sao chổi Hale – Bopp, nhưng vẫn thất nghiệp. Sau khi có bằng thạc sĩ, Ph.D là điểm cao nhất trên con đường nghiên cứu khoa học của sinh viên. Và người hướng dẫn khoa học cũng phải là những người có chức danh và uy tín khoa học cao. Nghiên cứu sinh phải là những người có chuyên môn sâu và có tư duy độc lập nghiên cứu. Luận án tiến sĩ đòi hỏi cả nghiên cứu sinh và giáo sư hướng dẫn mất rất nhiều thì giờ và công sức. Vì vậy, rất nhiều nghiên cứu sinh phải bỏ cuộc, dù đã mất 2,3 năm theo đuổi.

Đa số nghiên cứu sinh được hỗ trợ tài chính



trong 2- 3 năm. Thực ra phần lớn trong số này đã có công ăn việc làm, có lương. Họ tham gia phụ giảng hay trợ lí nghiên cứu ở các trường và viện đại học hoặc làm trợ lí cho các đề tài khoa học, một số khác được vay không phải trả lãi từ các nguồn khác.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, so với bằng đại học tỉ lệ tăng của bằng tiến sĩ không cao. Các ngành xã hội và nhân văn, văn hoá-nghệ thuật có ít người theo học và nghiên cứu. Trung bình mỗi năm có gần 6.000 bằng tiến sĩ cho các khoa học cơ bản: Toán, Vật lí... trong khi đó Văn, Sử, Triết, Xã hội học, Ngôn ngữ chỉ có khoảng trên 3.000 bằng được cấp. Có những ngành chỉ có một vài bằng được cấp vì mới ra đời, không có người hướng dẫn khoa học cho nghiên cứu sinh...

Đến nay các trường và viện đại học Mỹ đã nhận đào tạo 41 lĩnh vực khoa học với 3.600 mã số chuyên ngành. Trong đó có 60% luận án được các Hội đồng chấm luận án đánh giá là xuất sắc và khá, còn lại là đạt yêu cầu. 60 trường đại học hàng đầu của Mỹ đã đào tạo hơn 50% số tiến sĩ của nước này. Chính vì vậy mà rất nhiều nghiên sinh nước ngoài đã đến Mỹ làm luận án. Năm 1995, trong số 400.000 sinh viên ngoại quốc đến Mỹ học thì có gần 200.000 đã theo học chương trình sau đại học để nhận bằng Ph.D. Các trường và viện đại học Mỹ đã nhận được hơn 6 tỉ đôla mỗi năm do những nghiên cứu sinh này đóng góp qua học phí và sinh hoạt phí.

3. Giáo dục Mỹ vẫn còn những vấn đề

Một nền giáo dục được xem là ưu việt nhất thế giới cũng đang lộ ra những mảng tối không ai ngờ đến. Các cuộc điều tra cho thấy ở Mỹ vẫn còn có người mù chữ. Tất nhiên "mù chữ" ở Mỹ không phải là không biết đọc, biết viết. Xã hội Mỹ đã chuyển từ xã hội sản xuất sang xã hội thông tin. Do đó "mù chữ" ngày nay là khái niệm về khả năng xử lí và kĩ năng sử dụng thông tin. Theo quan niệm này thì số người "mù chữ" ở Mỹ hiện nay lên tới 3 triệu người, chiếm 1% dân số, một con số đáng ngại. Thậm chí tại các điểm bầu cử, người ta vẫn phải bố trí nhân viên trợ giúp cử tri, vì nhiều người...không biết điền vào phiếu bầu.

Mặc dù là nhà nước đa sắc tộc, tự do, dân chủ...thậm chí đã có một tổng thống da màu

là Barac Obama, nhiều nghị sĩ, bộ trưởng là người da đen, và cũng không có văn bản pháp lí nào cho phép đối xử bất bình đẳng với người da màu ở bất kì một cơ sở giáo dục nào, nhưng thực tế thì ở Mỹ có nhiều người da màu mù chữ, và ít được học. Cũng tương tự, phụ nữ Mỹ ít được học hành và nghiên cứu hơn nam giới.

Ở các trường đại học, người Mỹ da trắng chiếm ưu thế, số người châu Á không nhiều, người da đen chiếm số lượng ít nhất trong số những người tốt nghiệp đại học. Lên thạc sĩ và tiến sĩ, sự chênh lệch này càng rõ nét hơn. Hiện tại người Mỹ da đen có bằng tiến sĩ chỉ chiếm 4%, người Mỹ Hispanic - xấp xỉ 4,2%, và người Mỹ gốc châu Á - 5% trong tổng số bằng tiến sĩ được cấp; số lượng bằng thạc sĩ cũng vậy. Riêng trong các ngành khoa học kĩ thuật chỉ có 20% số bằng được cấp cho người da màu. Nữ sinh đại học chiếm đến 56% tổng số người tốt nghiệp, nhưng đến tiến sĩ thì chỉ còn 13%. Những người có bằng cấp ngày càng được đánh giá cao, được xã hội coi trọng và được lĩnh lương cao, bảo đảm công ăn việc làm. Sự chênh lệch về thu nhập khá rõ giữa người có bằng và người không có bằng, có khi cùng làm việc tương đương, trung bình là 680 đôla/tuần so với 230 đôla/tuần. Các kết quả điều tra cho thấy có đến 4% cử nhân năm vào tốp "học vấn thấp". Hoá ra, ở Mỹ cũng có thể có bằng "chui".

Chương trình giảng dạy ở nhiều trường và viện đại học vẫn còn òm đồm, không có giá trị thực tiễn. Thời gian học quá dài, nhiều chương trình chất lượng kém, triển vọng sinh viên tốt nghiệp nhận được việc làm trong một số lĩnh vực còn hạn chế. Nhiều người có bằng cấp vẫn không có việc làm (trong đó có một số ngành khoa học xã hội và nhân văn); không có gì lạ là ở nhiều thành phố lớn của Mỹ vẫn có nhiều tiến sĩ... lái taxi.

Trong khi đó các "trường ảo" (Cyber School) đang tăng lên. Đó là các "trường" không có địa điểm cố định, phần lớn sinh viên "trường ảo" là những người đã đi làm, lớn tuổi hơn sinh viên ở các trường cố định, do đó sẽ có sự cạnh tranh gắt gao giữa các trường và viện đại học cố định với các "trường ảo" (đầu thế kỉ XXI đã có 200 trường đại học truyền thống phải đóng cửa vì ít sinh viên nộp đơn theo học), bởi "trường ảo" có khả năng cung cấp cho sinh viên kĩ năng để



để tìm việc làm nên nhiều người rẽ sang các trường này. Sinh viên các “trường ảo” tiết kiệm thời gian, không phải có mặt ở giảng đường, ở phòng thí nghiệm, chương trình học tập được cá nhân hoá phù hợp với điều kiện của từng sinh viên, thời khoá biểu linh hoạt.

Thực tế thì các trường đại học Mỹ đang rất lúng túng trước hiện tượng này trong việc nâng cao chất lượng và quy mô của các cơ sở đào tạo “truyền thống” mà lâu nay vẫn tạo nên thành quả trong giáo dục của Mỹ.

Và nữa, do không lường trước được sự phát triển của tâm lí và nhu cầu của sinh viên trước những yêu cầu của cuộc sống nên các trường đại học Mỹ không kịp ứng phó với những thay đổi nhu cầu của sinh viên; để rồi đến những năm đầu thế kỉ này mới thấy sự hẫng hụt trong kiến thức của họ. Những ngành kĩ thuật và công nghệ, các trường chuyên nghiệp và dạy nghề hàng năm có số lượng sinh viên theo học rất lớn. Những ngành cơ bản, lịch sử, địa lí khảo

cổ, dân tộc học, văn hoá học teo dần. Học sinh, sinh viên không được trang bị kiến thức nhân văn, đạo đức và mỹ học. Sinh viên chỉ được đào tạo kiến thức và kĩ năng trong chuyên ngành hẹp nên khi vào đời không có khả năng thích nghi và ứng xử văn hoá. Xuất hiện nhiều sinh viên què quặt về kiến thức, nghèo nàn đời sống văn hoá tinh thần. Họ chỉ là những cái máy để thao tác trong nghề nghiệp. Là những người dùng tiếng Anh nên sinh viên Mỹ phần đông không biết ngoại ngữ. Chỉ có 15% sinh viên học tiếng nước ngoài. Họ quên rằng ngoại ngữ không chỉ để giao tiếp, thông tin mà còn là văn hoá của mỗi dân tộc¹.

SUMMARY

High costs and tuition in American universities is compensated by good quality, valuable degrees, graduate employment and high income. However American higher education has also deficiencies: illiteracy, inequality and large, ambitious and impractical programs.

KHẢO SÁT ĐỘI NGŨ CÁN BỘ...

(Tiếp theo trang 60)

các đối tượng ĐTBĐ, các Sở GD-ĐT để nắm bắt các nhu cầu ĐTBĐ về quản lí nhà trường;

- Phát triển chương trình ĐTBĐ về quản lí; để từ đó nâng cao chất lượng ĐTBĐ.

- Việc xây dựng, phát triển chương trình trên cơ sở nguyên tắc mở, dựa vào chuẩn hiệu trưởng, gắn với thực tiễn, lựa chọn những nội dung thiết thực, tăng tính tự học, tự nghiên cứu

4. Kết luận

Đội ngũ CBQL giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động giáo dục. Đội ngũ CBQL trường THPT của tỉnh Đồng Tháp đã đảm bảo được các trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Qua khảo sát cũng có một số hạn chế về trình độ ngoại ngữ, tin học; cơ cấu về chuyên môn; khả năng dự báo,... Hướng tới, cần thực hiện các giải pháp đề xuất để tiếp tục phát triển đội ngũ CBQL của tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD-ĐT, Quyết định Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, số 07/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 02-4-2997
2. Bộ GD-ĐT, Thông tư Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, số 29/2009/TT-BGDĐT ngày 22-10-2009
3. Học viện Quản lí giáo dục, Tạp chí Quản lí giáo dục số 12, tháng 5-2010
4. Subir Chowdhury, *Quản lí trong thế kỉ 21* (Bản dịch của Lê Minh Hồng), NXB Giao thông vận tải, 2006

SUMMARY

The author presents the results of the survey among managers of upper secondary school principals in Dong Thap, based on which the staff development is reviewed; practical, relevant solutions are made to accelerate the managerial staff development, contributing to education quality enhancement.

1. Tác giả có sử dụng tài liệu của Frank. H. T. Rhodes: *Tạo dựng tương lai*, Bản dịch của Hoàng Kháng, Tô Diệu Lan, Lê Lưu Diệu Đức, NXB Văn hoá Sài Gòn, 2009.

CONTENTS

Journal of Educational Sciences

ISSUE No. 60 - SEPTEMBER 2010
- SIXTH YEAR

• Deputy Editor- in-chief

BUI DUC THIEP, M.Ed.

• Editorial Board

Prof.academician PHAM MINH HAC

Prof.Dr. NGUYEN MINH DUONG

Prof.Dr. VU NGOC HAI

Prof.Dr. TRAN VAN NHUNG

Prof.Dr NGUYEN HUU CHAU

Prof.Dr. PHAM TAT DONG

Prof.Dr. NGUYEN THANH HUNG

Prof.Dr. DANG QUOC BAO

Prof.Dr. DO DINH HOAN

Prof.Dr. TRAN KIEU

Prof.Dr. MAC VAN TRANG

Prof.Dr. NGUYEN ĐUC TRI

• Head office

101 Tran Hung Dao, Ha Noi

Tel. (84-4) 39424183

(84-4) 39422314; (84-4)

39423488;

Email: tapchihgd@yahoo.com

Fax: (84-4) 39424183;

Account No.: 10201000028628.

Vietnam Incombank

• Pined by INTACO

38 Ba Trieu - Hoan Kiem - HN

RESEARCH

- | | Page |
|---|------|
| 1. Pham Minh Hac: Ho Chi Minh's humanism | 1 |
| 2. Đang Thanh Hung: The nature of educational management | 6 |
| 3. Nguyen Tien Hung: Theories and practices of educational accountability system development | 10 |
| 4. Phạm Thi Ly: University ranking : experiences from western countries, China and new trends worldwide | 13 |
| 5. Nguyen Thanh Hung: Questions in teaching literature works and the new views | 18 |
| 6. Pham Duc Quang: Teaching approaches in mathematics towards active learning | 24 |
| 7. Pham Minh Muc: Language and speech development for preschool vision impaired children | 26 |
| 8. Ta Quang Tuan: Mearsures for applying and adjusting the teaching interaction based on learner-learner interaction | 31 |
| 9. Nguyen Thanh Nhan: Learning assessment towards students' capacity development | 36 |
| 10. Bui Thi Hanh Lam: Some pedagogical mesures for training of self - assessment skill on Maths learning outcome | 40 |

EXCHANGE

- | | |
|---|----|
| 11. Le Ngoc Son: Relationship between training institutions and businesses in the development of IT manpower | 47 |
| 12. Nguyen Van Chien, Mai Thi Thu: Current state of and policies on school teacher development | 50 |

EDUCATION PRACTICE

- | | |
|--|----|
| 13. Pham Minh Gian: School manager survey in Dong Thap, some comments and suggestions | 54 |
|--|----|

EDUCATION ABROAD

- | | |
|---|----|
| 14. Le Dinh Cuc: American higher education - costs, degrees and shortcomings | 61 |
|---|----|

LỄ KHAI GIẢNG NĂM HỌC 2010 - 2011 CÁC TRƯỜNG THỰC NGHIỆM - VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRƯỜNG PTCS THỰC NGHIỆM



TRƯỜNG THPT BÁN CÔNG LIỄU GIAI

